

Trường Trung học Westminster

Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học

Báo cáo Dựa trên Dữ liệu từ Năm học 2017 – 18

Công bố Trong Năm 2018 – 19

Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (School Accountability Report Card – SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ Kiểm soát Địa phương (Local Control Funding Formula – LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (Local Educational Agencies – LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (Local Control and Accountability Plan – LCAP) mô tả phương thức các trường dự định sẽ đạt được các mục tiêu hàng năm cụ thể của trường cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu SARC, xem Trang Mạng về SARC thuộc Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/fq/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest

DataQuest là một công cụ trực tuyến trên trang Mạng DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng trạm máy (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên trạm máy, và khả năng in tài liệu.

Giới thiệu về Trường

Thông tin Liên hệ (Năm học 2018 – 19)

| Thông tin Liên hệ của Nhà trường | |
|----------------------------------|------------------------------|
| Tên Trường | Trường Trung học Westminster |
| Đường | 14325 Goldenwest St. |
| Thành phố, Tiểu | Westminster, CA 92683 |
| Số điện thoại | (714) 893-1381 |
| Hiệu trưởng | Joseph Fraser |
| Địa chỉ E-mail | jfraser@hbuhsd.edu |
| Web Site | www.whslions.net |
| Mã Học khu của | 30-66548-3038445 |

| Thông tin Liên hệ của Học khu | |
|--------------------------------------|------------------------------------|
| Tên Học khu | Học khu Trung học Huntington Beach |
| Số điện thoại | (714) 903-7000 |
| Giám đốc Học khu | Dr. Clint Harwick |
| Địa chỉ E-mail | charwick@hbuhsd.edu |
| Web Site | www.hbuhsd.edu |

Mô tả Trường học và Bản Tuyên bố Sứ mệnh (Năm học 2018 – 19)

Trong cương vị là hiệu trưởng, tôi mời quý vị tìm hiểu về Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình Hàng năm của Trường Trung học Westminster, phiếu này cung cấp tin tức đáng giá về các chương trình giảng huấn ở trường, thành tích học vấn, học liệu, an toàn ở trường, và nhân viên. Khi hiểu chương trình giáo dục, thành tích của học sinh, và sự khai triển giáo trình thì sẽ giúp trường và cộng đồng trong việc cải tiến liên tục trường.

Trường này tập trung vào việc cung cấp cho tất cả học sinh cơ hội để đạt thành tích. Chúng tôi cố gắng tạo thích nghi cho các cách học của các cá nhân trong khi vẫn duy trì các sự mong đợi cao, có thể đạt tới cho tất cả các học sinh. Chúng tôi rất hạnh diện về các chương trình giáo dục đa dạng, và chúng tôi quyết tâm cung cấp cho tất cả các học sinh một hướng đi mà bảo đảm cho sự thành công về học vấn lẫn về nghề. Các lớp để chuẩn bị cho đại học và cho mỹ thuật và nghệ thuật ứng dụng là không thể thiếu được ở trường tổng hợp của chúng ta. Trường này cam kết có các cơ hội giáo dục mạnh cho nghề, các chương trình thể thao ngoại hạng, và nhiều các sinh hoạt ngoại khoa để làm cho kinh nghiệm học vấn được trọn vẹn mọi mặt.

Nhân viên và phụ huynh làm việc chung để tạo một môi trường học vấn mà đề cao sự phát triển về học vấn và xã hội, dạy về sự trách nhiệm và lòng tự hào, và làm mẫu việc học tập như là một sự phiêu lưu cho cả đời. Chúng tôi rất vui về trường này và chào mời tất cả mọi người cùng chúng tôi nỗ lực đào tạo các cư dân thành công và có trách nhiệm.

Nhiệm vụ của chúng tôi là giáo dục các học sinh trở thành các cư dân sáng tạo, hữu dụng bằng cách cung cấp nhiều hướng đi để học tập bao gồm kỹ thuật canh tân, một giáo trình đầy thử thách, và nhiều kinh nghiệm đồng khoa.

Trường này là một trong 6 trường tổng hợp của Học khu Trung học Huntington Beach. Được lập ra vào 1959 và tọa lạc trên gần 57.1 mẫu đất, trường này mang chủ đề xứ Anh mà đi song song với thiết kế của thành phố Westminster. Trường cũng có 5 mẫu ruộng và một chương trình canh nông rất thành công.

Trường chúng tôi rất hạnh diện về các học sinh đa dạng. Trong 2,820 học sinh, có gần 48.5% là La tinh, 42% là Á châu, 5% da trắng, 1% người da đỏ, 0.8% người dân các đảo Thái bình dương, 1.1% người Phi, và 1.1% người Mỹ gốc Phi châu. 22% các học sinh là học sinh học tiếng Anh, đến từ các gia đình mà nói 12 ngôn ngữ. Thêm nữa, 10.5% các học sinh nhận Giáo dục Đặc biệt và 77% hội đủ điều kiện cho các bữa ăn miễn phí hay giảm phí.

Học sinh Ghi danh theo Cấp lớp (Năm Học 2017 – 18)

| Cấp Lớp | Số Học sinh |
|---------------------------------------|--------------------|
| Lớp 9 | 683 |
| Lớp 10 | 764 |
| Lớp 11 | 645 |
| Lớp 12 | 722 |
| Trung học Cơ sở Không Phân lớp | 12 |
| Tổng Ghi danh | 2,826 |

Học sinh Ghi danh theo Nhóm Học sinh (Năm Học 2017 – 18)

| Nhóm Học sinh | Phần trăm trong Tổng Ghi danh |
|-----------------------------------|-------------------------------|
| Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc | 0.7 |
| Người Mỹ Bản Địa hoặc Người | 0.3 |
| Người gốc Châu Á | 44.2 |
| Người Phi Luật Tân | 1.2 |
| Người gốc Tây Ban Nha hoặc La | 47.1 |
| Người Hawaii hoặc Người Các Đảo | 0.6 |
| Người Da trắng | 4.4 |
| Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội | 80.4 |
| Người học tiếng Anh | 21.1 |
| Học sinh Khuyết tật | 10.7 |
| Thanh thiếu niên Được Chăm sóc | 0.1 |

A. Điều kiện Học tập**Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản**

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Bảng cấp Chứng nhận của Giáo viên

| Giáo viên | Trường | | | Học khu |
|--|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | 2016 – 17 | 2017 – 18 | 2018 – 19 | 2018 – 19 |
| Có Đầy đủ Bằng cấp Chứng nhận | 113 | 113 | 111 | 662 |
| Không có Đầy đủ Bằng cấp Chứng nhận | 0 | 1 | 1 | 2 |
| Giảng dạy Ngoài Lĩnh vực Môn học Chuyên ngành (có đầy đủ | 12 | 13 | 6 | 50 |

Phân công Giáo viên Trái phép và Các Vị trí Giáo viên Còn Trống

| Chỉ báo | 2016 – 17 | 2017 – 18 | 2018 – 19 |
|--|-----------|-----------|-----------|
| Trường hợp Phân công Giáo viên Trái phép cho Người | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số Các Trường hợp Phân công Giáo viên Trái | 0 | 0 | 0 |
| Các Vị trí Giáo viên Còn Trống | 0 | 0 | 0 |

Ghi chú: “Phân công trái phép” nói đến số vị trí được điền khuyết bởi giáo viên thiếu thẩm quyền hợp pháp để dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

* Tổng số Các Trường hợp Phân công Giáo viên Trái phép bao gồm cả số Trường hợp Phân công Giáo viên Trái phép cho Người học tiếng Anh.

Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Năm Học 2018 – 19)

Tháng, năm thu thập dữ liệu: tháng 1, 2019

| Môn học | Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/ Năm Phê chuẩn | Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất? | Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng |
|-----------------------|--|----------------------------|--|
| Độc/Văn Chương | Elements of Literature - Third Course;Holt, Rinehart, Winston; Adopted Elements of Literature - Fourth Course;Holt, Rinehart, Winston;Adopted 6/24/08 Elements of Literature - World Literature; Holt, Rinehart, Winston; Adopted 6/24/08 Elements of Literature - Essentials of American Literature - Fifth Course; Holt; Adopted 3/8/11 Language of Composition Reading, Writing, Rhetoric; Bedford/St. Martin's; Adopted Literature British 12; Holt; Adopted 11/12/13 Literature and Composition; Bedford/ St. Martin's; Adopted Theory of Knowledge - 3rd Edition; Hodder Education; Adopted Literature and Language Arts - 4th Course;Holt, Rinehart, Winston;Adopted 6/24/08 Voices of Literature Gold;Heinle & Heinle; 1996 Edge Fundamentals;Cengage/National Geographic School Pub.; Adopted 7/15/14 Edge 2014 Level A; Cengage Learning; Adopted 7/15/14 Edge 2014 Level B; Cengage Learning; Adopted 7/15/14 | Có | 0% |
| Toán | The Practice of Statistics for AP* - Fifth Edition; W.H Freeman and Co; Adopted 7/15/14 Fundamentals of Java; Cengage; Adopted 11/12/13 Algebra 2 Common Cored Edition; Pearson, Prentice Hall; Adopted 11/12/13 Math Geometry/Glencoe; McGraw Hill; Adopted 8/9/11 Precalculus: Enhanced with Graphing Utilities - 6th Edition; Pearson; Adopted 8/9/11 Basic Algebra; McDougal/Littel Brown; Adopted 1999 Algebra 1-California Edition; Prentice Hall; 6/29/10 Geometry (CA)-1st Edition; Holt; Adopted 2008 Geometry (Acele); McGraw Hill; Adopted 2012 Trigonometry-6th Edition;Addison Wesley; Adopted 1997 Elementary Statistics - 4th Edition;McGraw-Hill; Adopted 2001 Calculus for AP - 1st Edition;Cengage; Adopted 2017 Calculus with Analytic Geometry-5th Edition; McDougal-Litton/Houghton-Mifflin; Adopted 1994 Mathematics with Business Applications;McGraw-Hill; Adopted 2003 | Có | 0% |

| Môn học | Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/ Năm Phê chuẩn | Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất? | Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng |
|-----------------|---|----------------------------|--|
| Khoa học | <p>Marine Science; McGraw-Hill; Adopted 8/14/18</p> <p>College Physics; A Strategic Approach; Pearson; Adopted 2016</p> <p>Physics; Houghton Mifflin Harcourt; Adopted 2017</p> <p>Chemistry; The Central Science; AP 13th Edition; Adopted 6/24/14</p> <p>Fundamentals of Anatomy & Physiology; Pearson; Adopted 6/24/14</p> <p>Environmental Science for AP; W.H. Freeman; Adopted 2013</p> <p>Biological Science (Fourth Edition); Benjamin Cummings/ Pearson; Adopted 2012</p> <p>Campbell Biology AP Edition (Ninth Edition); Benjamin Cummings/ Pearson; Adopted 2012</p> <p>Modern Chemistry; Benjamin Cummings/Pearson; Adopted 2012</p> <p>Science Spectrum Physical Science (CA); Holt; Adopted 2007</p> <p>Earth Science (CA) - 1st Edition; Pearson/Prentice Hall; Adopted 2006</p> <p>Physics: Principles and Problems; Glencoe; Adopted 2005</p> <p>Conceptual Integrated Science Explorations (Penguin Book) ; Addison Wesley; Adopted 2010</p> <p>Chemistry in the Community-5th edition; W. H. Freeman; Adopted 2006</p> <p>Chemistry - 6th edition; Brooks/Cole; Adopted 2003</p> <p>Physics-Principles with Applications; Pearson; Adopted 2004</p> <p>Physics for Scientists and Engineers-9th Edition; Brooks/Cole; Adopted 2014</p> <p>Biology (Macaw); Prentice Hall; Adopted 2010</p> <p>Biology (CA) Cheetah; Holt, Rinehart and Winston; Adopted 2008</p> <p>Higher level Physics for the IB Diploma; Pearson; Adopted 2009</p> <p>Biology IB Diploma HL; Prentice Hall; Adopted 2014</p> | Có | 0% |

| Môn học | Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/ Năm Phê chuẩn | Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất? | Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng |
|----------------------------------|---|----------------------------|--|
| Lịch Sử – Khoa Học Xã Hội | Explorations in Economics; B.F. Worth; Adopted 3/8/16 The Cultural Landscape An Introduction to Human AP edition; Pearson; Adopted 3/8/16 Myer Psychology for AP-2nd Edition; Adopted 3/8/16 Psychology Principles in Practice; Houghton Mifflin Harcourt; 3/8/16 Western Civilization Since 1300 - AP Edition; Cengage Learning; Adopted 3/8/16 Give Me Liberty!; An American History; W. W. Norton; Adopted 3/8/16 Krugman's Economics for AP; B.F. Worth Publishing; Adopted 3/8/16 Government in American; Pearson; Adopted 3/8/16 Voyages in World History; Cengage Education; Adopted 8/11/15 Geography Alive! Regions and People; TCI; Adopted 3/8/16 Modern World History-Patterns of Interaction; Houghton-Mifflin-Harcourt; Adopted 3/8/16 History Alive! Pursuing American Ideals; TCI; Adopted 3/8/16 United States Government; Our Democracy; McGraw Hill; Adopted 3/8/16 Gardner's Art through the Ages: A Global History - 14th Edition; Wadsworth Cengage Learning; Adopted 6/24/14 Psychology; 10th Edition; Worth Publishers; Adopted 6/24/14 Cultural Landscape an Introduction to Human Geography 10th edition; Pearson; Adopted 3/8/16 The American Pageant; 13th edition; TCI; Adopted 2013 Social Studies Psychology; HMH; Adopted 2018 | Có | 0% |

| | | | |
|--------------------------|--|----|----|
| Ngoại ngữ | <p>Autentico 1; Pearson; Adopted 2018 Autentico 2; Pearson; Adopted 2018 Autentico 3; Pearson; Adopted 2018 Avanceemos; HMH; Adopted 2018 Temas AP Spanish Language and Culture; Vista Higher Learning; Adopted 2014 Nuevas Vista Curso de Introduccion; Holt, Rinehart, and Winston; Adopted 2004 Abriendo puertas: Antologia de literatura en espanol Tomo 1: 1st Edition: McDougal Littel: Adopted 2003 Abriendo puertas Ampliando Perspectivas; Holt McDougal; Adopted 2013 Bien Dit! Level 1; HMH; Adopted 2018 Bien Dit! Level 2; HMH; Adopted 2018 Bien Dit! Level 3; HMH; Adopted 2018 Bravo! 5th Edition; Thomson Heinle; Adopted 2005 Advance Placement French: Preparing for the Language and Culture Examination; Prentice Hall: Adopted 2012 Allons Au-dela! La Langue Et Les Cultures Du Monde Francophone; Prentice Hall; Adopted 2012 Adventures in Japanese 1; Cheng and Tsui; Adopted 2015 Adventures in Japanese 2 4th edition; Cheng and Tsui; Adopted 2015 Adventures in Japanese 3 4th edition; Cheng and Tsui; Adopted 2016 Adventures in Japanese 4 1st edition; Cheng and Tsui; Adopted 2017 Integrated Chinese Level 1: part 1 3rd edition; Cheng and Tsui; Adopted 2017 Integrated Chinese Level 1: part 2 3rd edition; Cheng and Tsui; Adopted 2017 Integrated Chinese Level 2: part 1 3rd edition; Cheng and Tsui; Adopted 2017 Chinese for Tomorrow; Cheng and Tsui; Adopted 2009 Tieng Viet men yeu A; East Side Union School District; 2010 Tieng Viet men yeu B; East Side Union School District; 2011 Conversational Vietnamese; University of Washington Press; 2003 Tieng Viet men yeu D; East Side Union School District; 2013 Tieng Viet men yeu C; East Side Union School District; 2011 Master ASL Level 1; Sign Media; 2006 El Espanol Para Nosotros Curso Para Hispanohablantes Spanish Nivel 1; McGraw Hill; Adopted 2014 El Espanol Para Nosotros Curso Para Hispanohablantes Spanish Nivel 2; McGraw Hill; Adopted 2014 Nuevas Vistas Curso Dos Holt Rinehart and Winston</p> | Có | 0% |
| Giáo dục Sức khỏe | Health; Prentice Hall; Adopted 2007 | Có | 0% |

| Môn học | Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/ Năm Phê chuẩn | Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất? | Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng |
|---|---|----------------------------|--|
| Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn | Photography 11th edition; Pearson; Adopted 2013 Gardner's Art through the Ages: A Global History - 14th Edition; Wadsworth Cengage Learning; Adopted 6/24/14 | Có | 0% |
| Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9 tới lớp 12) | Các tài liệu giảng dạy và sách học được dùng ở học khu là hiện hành và có phẩm chất cao. Trước khi các sách được mua thì chúng phải được đánh giá kỹ càng bởi các giáo viên, viên chức điều hành, và các điều hợp viên giáo trình, và được cho cộng đồng và Ban quản trị duyệt qua. Sách và tài liệu giảng huấn được thay thế khi cần nhằm bảo đảm rằng học sinh được dùng các tài liệu giảng huấn hiện hành. Việc sử dụng hữu hiệu kỹ thuật giảng huấn cũng được nhấn mạnh với việc giảng huấn dùng điện toán trong các chương trình học vấn, thương mại, và kỹ thuật. | Có | 0% |

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến (Năm Gần nhất)

Tình trạng Sửa chữa cho Trường học (Năm Gần nhất)

Sử dụng dữ liệu Công cụ Kiểm tra Cơ sở (FIT) (hoặc tương đương) **được thu thập gần đây nhất** để cung cấp thông tin sau đây:

- Xác định tình trạng sửa chữa của các hệ thống được nêu
- Mô tả bất kỳ bảo trì nào cần thực hiện để đảm bảo tình trạng sử dụng tốt
- Tháng, năm thu thập dữ liệu
- Đánh giá tổng quát

| Tình trạng Sửa chữa cho Trường học (Năm Gần nhất) Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 18 tháng 3, 2018 | | |
|--|---------------------|--|
| Hệ Thống Được Kiểm Tra | Tình trạng Sửa chữa | Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện |
| Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh | Tốt | Máy phát điện được sửa chữa. Máy làm mát 400 tấn được sửa chữa. Các hệ thống kiểm soát dẫn thủy được thay thế. |
| Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong | Tốt | |
| Sự Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt | Tốt | |
| Điện: Điện | Tốt | Đèn LED bên ngoài được sửa chữa. |
| Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy | Tốt | |
| Sự An Toàn: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm | Tốt | |
| Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà | Tốt | Tất cả các máy nhà được sửa chữa (Tremco). Các ống máng nước được thay thế ở các phòng di động. |
| Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào | Tốt | Được rửa hàng ngày với vòi phun mạnh. Các bờ dốc của các nhà di động được sửa chữa hay thay thế. |

Đánh Giá Tổng quát dành cho Cơ Sở

| | |
|---|----------|
| Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 18 tháng 3, 2018 | |
| Đánh giá Tổng quát | Hoàn hảo |

B. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

- **Thẩm định trên toàn tiểu bang** (tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Độc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng); và
- Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Văn Chương Anh Ngữ/Độc Viết (ELA) và Môn Toán cho Tất Cả Các Học Sinh Lớp 3 đến lớp 8 và Lớp 11

| Môn học | Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng hoặc Vượt Qua Các Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11) | | | | | |
|---|---|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | Trường | | Học khu | | Tiểu bang | |
| | 2016 – 17 | 2017 – 18 | 2016 – 17 | 2017 – 18 | 2016 – 17 | 2017 – 18 |
| Văn Chương Anh Ngữ/Độc Viết (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11) | 75.0 | 65.0 | 78.0 | 72.0 | 48.0 | 50.0 |
| Toán (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11) | 49.0 | 46.0 | 52.0 | 50.0 | 37.0 | 38.0 |

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh Lớp 3 đến Lớp 8 và Lớp 11 (Năm Học 2017 – 18)

| Nhóm Học sinh | Tổng Ghi danh | Số Học sinh Đi thi | Phần trăm Đi thi | Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua |
|--------------------------------------|---------------|--------------------|------------------|---------------------------------|
| Tất cả Học sinh | 620 | 592 | 95.48 | 65.08 |
| Nam | 319 | 305 | 95.61 | 62.83 |
| Nữ | 301 | 287 | 95.35 | 67.48 |
| Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi | -- | -- | -- | -- |
| Người gốc Châu Á | 279 | 266 | 95.34 | 77.74 |
| Người Phi Luật Tân | -- | -- | -- | -- |
| Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh | 289 | 280 | 96.89 | 54.12 |
| Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái | -- | -- | -- | -- |
| Người Da trắng | 23 | 20 | 86.96 | 75.00 |
| Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc | -- | -- | -- | -- |

| Nhóm Học sinh | Tổng Ghi danh | Số Học sinh Đi thi | Phần trăm Đi thi | Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua |
|--|---------------|--------------------|------------------|---------------------------------|
| Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó | 511 | 488 | 95.50 | 63.99 |
| Người học tiếng Anh | 282 | 265 | 93.97 | 41.29 |
| Học sinh Khuyết tật | 43 | 39 | 90.70 | 15.38 |
| Thanh thiếu niên Được Chăm sóc bởi Giám | -- | -- | -- | -- |

Ghi chú: Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Ghi chú: Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh Lớp 3 đến Lớp 8 và Lớp 11 (Năm Học 2017 – 18)

| Nhóm Học sinh | Tổng Ghi danh | Số Đi thi | Phần trăm Đi thi | Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua |
|--|---------------|-----------|------------------|---------------------------------|
| Tất cả Học sinh | 619 | 600 | 96.93 | 45.73 |
| Nam | 318 | 310 | 97.48 | 48.22 |
| Nữ | 301 | 290 | 96.35 | 43.06 |
| Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi | -- | -- | -- | -- |
| Người gốc Châu Á | 279 | 274 | 98.21 | 67.52 |
| Người Phi Luật Tân | -- | -- | -- | -- |
| Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh | 288 | 278 | 96.53 | 27.17 |
| Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái | -- | -- | -- | -- |
| Người Da trắng | 23 | 21 | 91.3 | 45 |
| Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc | -- | -- | -- | -- |
| Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó | 510 | 498 | 97.65 | 45.05 |
| Người học tiếng Anh | 281 | 271 | 96.44 | 28.25 |
| Học sinh Khuyết tật | 43 | 37 | 86.05 | 0 |
| Thanh thiếu niên Được Chăm sóc bởi Giám | -- | -- | -- | -- |

Ghi chú: Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Ghi chú: Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh
Lớp 5, 8 và 10**

| Môn học | Phần Trăm Học Sinh Đạt Điểm ở Mức Khá hoặc Giỏi | | | | | |
|----------------------------------|---|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | Trường | | Học khu | | Tiểu bang | |
| | 2016 – 17 | 2017 – 18 | 2016 – 17 | 2017 – 18 | 2016 – 17 | 2017 – 18 |
| Khoa học (lớp 5, lớp 8 và | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |

Ghi chú: Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Ghi chú: Không có sẵn dữ liệu 2016 – 17, và 2017 – 18. Sở Giáo Dục California đang phát triển một thẩm định khoa học mới dựa trên Tiêu chuẩn Khoa học Thế hệ Mới cho Trường Công California (CA NGSS). Kiểm tra Khoa học California (CAST) mới được thí điểm vào mùa xuân năm 2017 và thi thật vào mùa xuân năm 2018. CAST sẽ được quản lý hoạt động trong suốt năm học 2018 – 19. CAA cho môn Khoa học sẽ được thí điểm trong hai năm (tức là 2016 – 17 và 2017 – 18); còn CAA cho môn Khoa học sẽ được triển khai thi vào năm 2018 – 19.

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CAST và CAA cho môn Khoa học. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của CAST cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Chương Trình Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2017 – 18)

Trường Trung học Westminster có 16 lớp về Giáo dục Nghề và Kỹ thuật (CTE) cho 9 lãnh vực kỹ nghệ với trên 11 hướng đi CTE. Ngoài các lớp này ra, chúng tôi làm việc sát với Chương trình Huấn nghệ Địa phương [Coastline Regional Occupational Program (ROP)] và có dạy 4 lớp ROP ở trường này trong thời khóa biểu theo tiếng chuông, và 5 lớp khác vào buổi trưa và chiều. Chúng tôi cũng có các học sinh ghi danh học trong nhiều lớp ROP ở toàn Quận Cam. Tất cả các học sinh của chúng tôi đều có thể lấy lớp CTE và ROP và được khuyến khích tham gia học các chương trình này như là một cách để đa dạng hóa thời khóa biểu của chúng và tìm hiểu các ngành đại học và nghề nghiệp có thể hướng đến.

Tham gia Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2017 – 18)

| Tiêu chuẩn Đo lường | Tham gia Chương trình Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp (CTE) |
|---|---|
| Số Học Sinh Tham Gia CTE | 762 |
| Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học | 35% |
| Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ | 9% |

Các khóa học để vào Trường Đại Học California (University of California – UC) và/hoặc Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University – CSU)

| Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU | Phần trăm |
|--|-----------|
| Các Học sinh Năm học 2017 – 18 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để Vào | 96.1 |
| Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2016 – 17 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt | 35.3 |

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8):

- Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California (Năm Học 2017 – 18)

| Cấp Lớp | Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Tiêu Chuẩn Sức Khỏe | | |
|----------|--|-------------------------|-----------------------------|
| | Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức | Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn | Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức |
| 9 | 15.6 | 25.3 | 33.0 |

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3):

- Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh (Năm Học 2018 – 19)

Phụ huynh được khuyến khích tham gia vào việc học tập của con mình bằng cách tình nguyện, tham gia vào các nhóm để có quyết định, hay chỉ đơn giản là tham dự các sự kiện hay sinh hoạt của trường. Phụ huynh thường có thể biết đến các sinh hoạt và sự kiện ở trường qua các lời nhắn tự động điện thoại, lá thư của hiệu trưởng, bảng thông báo trước trường, trang mạng và phương tiện truyền thông xã hội của trường.

Phụ huynh có thể tình nguyện thông qua chương trình VIPS của trường và có thể giúp bằng cách hộ tống ở các sinh hoạt, giúp ghi danh, và tham gia các nhóm hỗ trợ. Thêm nữa, phụ huynh có thể phục vụ ở các ủy ban như Ủy ban của Trường, Ủy ban Cố vấn về Học sinh Học tiếng Anh (ELAC) và Hiệp hội Phụ huynh Giáo viên Học sinh (PTSA). Ngoài các cơ hội này ra, trường có các sự kiện giáo dục phụ huynh trong suốt năm. Trường này có hợp đồng với Grupo Crecer để có các buổi học tập và các nhân viên trường cung cấp các buổi học tập nhằm vào sự chuẩn bị cho Đại học và Nghề. Phần lớn các buổi học tập cho phụ huynh được cung cấp bằng 3 ngôn ngữ khác nhau.

Thêm nữa, phụ huynh được khuyến khích tham gia các sự kiện và sinh hoạt như là Đêm Trờ lại Trường, Ngày Mở Trường, các Sự kiện Thể thao, Thành quả Học sinh, Đêm NCAA, Đêm Về Điểm thi PSAT, Đêm AP và Honors (các môn Cao cấp và Danh dự), Đêm cho Phụ huynh Học sinh lớp 8, các đêm Thông hành cho Thành công cho Học sinh lớp 9, và các buổi Phát thưởng cho Học sinh.

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học trung học; và
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học.

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

| Chỉ báo | Trường | | | Học khu | | | Tiểu bang | | |
|--------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | 2014 – 15 | 2015 – 16 | 2016 – 17 | 2014 – 15 | 2015 – 16 | 2016 – 17 | 2014 – 15 | 2015 – 16 | 2016 – 17 |
| Tỷ Lệ Bỏ Học | 3.8 | 1.6 | 4.2 | 2.5 | 2.3 | 3.6 | 10.7 | 9.7 | 9.1 |
| Tỷ Lệ Tốt | 92.3 | 92.4 | 87.1 | 94.2 | 94.8 | 89.2 | 82.3 | 83.8 | 82.7 |

Để xem công thức tính toán tỷ lệ đoàn hệ được điều chỉnh cho năm 2016 – 17, hãy xem tài liệu Các Định Nghĩa Trong Thành Phần Dữ Liệu Năm 2017 – 18 trên trang mạng của SARC tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học – Khóa Tốt Nghiệp năm 2017 (Tỷ Lệ Một Năm)

| Học sinh | Khóa Tốt nghiệp Năm 2017 | | |
|--|--------------------------|---------|-----------|
| | Trường | Học khu | Tiểu bang |
| Tất cả Học sinh | 90.3 | 87.6 | 88.7 |
| Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi | 100.0 | 80.4 | 82.2 |
| Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa | 90.9 | 80.8 | 82.8 |
| Người gốc Châu Á | 93.5 | 91.9 | 94.9 |
| Người Phi Luật Tân | 75.0 | 87.5 | 93.5 |
| Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh | 87.1 | 80.7 | 86.5 |
| Người Hawaii/Người Các Đảo Thái Bình Dương | 83.3 | 85.7 | 88.6 |
| Người Da trắng | 93.6 | 90.9 | 92.1 |
| Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc | 66.7 | 76.1 | 91.2 |
| Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn | 96.3 | 99.1 | 88.6 |
| Người học tiếng Anh | 48.7 | 42.0 | 56.7 |
| Học sinh Khuyết tật | 56.9 | 41.5 | 67.1 |
| Thanh thiếu niên Được Chăm sóc bởi Giám hộ | 100.0 | 40.0 | 74.1 |

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

| Tỷ lệ | Trường | | | Học khu | | | Tiểu bang | | |
|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--------|--------|
| | 2015 – 16 | 2016 – 17 | 2017 – 18 | 2015 – 16 | 2016 – 17 | 2017 – 18 | 2015 – | 2016 – | 2017 – |
| Đình chỉ | 3.2 | 4.4 | 3.0 | 2.1 | 3.1 | 2.6 | 3.7 | 3.7 | 3.5 |
| Đuổi học | 0.2 | 0.1 | 0.0 | 0.1 | 0.1 | 0.0 | 0.1 | 0.1 | 0.1 |

Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Năm Học 2018 – 19)

Trường Trung học Westminster quyết tâm duy trì sự an toàn ở trường như là ưu tiên số một. Quyết tâm này được hỗ trợ bởi Kế hoạch An toàn ở Trường này mà được duyệt lại mỗi năm bởi Ủy ban An toàn và có các sửa đổi phù hợp để thích nghi với các nhu cầu hiện có, các vấn đề an toàn, các chuyển tiếp ở cộng đồng, và sự thay đổi về số lượng học sinh. Khi hoàn tất việc duyệt lại hàng năm thì kế hoạch này được trình lên Ủy ban Của Trường và lên Hội đồng Quản trị của Học khu này để được phê chuẩn. Kế hoạch được duyệt qua với các nhân viên và có các cuộc thực tập hàng năm.

Trường này được đóng kín cho tất cả học sinh khi giờ ăn trưa. Có một hệ thống video canh chừng và tất cả các người đến thăm được quy định phải ghi tên ở văn phòng khi vừa đến. Nhân viên An toàn Công cộng và các giám thị đi tuần ở khắp trường và duy trì một mối liên hệ làm việc với các cảnh sát viên của thành phố Westminster mà thường xuyên tuần tra trường này và khu xóm chung quanh.

D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Tiểu Học)

| Cấp Lớp | 2015 – 16 | | | | 2016 – 17 | | | | 2017 – 18 | | | |
|--------------|----------------------------|--------|---------|-----|----------------------------|--------|---------|-----|----------------------------|--------|---------|-----|
| | Sĩ số Trung bình Trong lớp | Số Lớp | | | Sĩ số Trung bình Trong lớp | Số Lớp | | | Sĩ số Trung bình Trong lớp | Số Lớp | | |
| | | 1 – 20 | 21 – 32 | 33+ | | 1 – 20 | 21 – 32 | 33+ | | 1 – 20 | 21 – 32 | 33+ |
| Mẫu giáo | | | | | | | | | | | | |
| Các Lớp Khác | | | | | | | | | | | | |

Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp).

** Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Trung Học Cơ Sở)

| Môn học | 2015 – 16 | | | | 2016 – 17 | | | | 2017 – 18 | | | |
|-----------------|----------------------------|--------|---------|-----|----------------------------|--------|---------|-----|----------------------------|--------|---------|-----|
| | Sĩ số Trung bình Trong lớp | Số lớp | | | Sĩ số Trung bình Trong lớp | Số lớp | | | Sĩ số Trung bình Trong lớp | Số lớp | | |
| | | 1 – 22 | 23 – 32 | 33+ | | 1 – 22 | 23 – 32 | 33+ | | 1 – 22 | 23 – 32 | 33+ |
| Tiếng Anh | 25.0 | 44 | 38 | 44 | 27.0 | 39 | 38 | 46 | 27.0 | 40 | 31 | 52 |
| Toán | 32.0 | 8 | 17 | 53 | 32.0 | 7 | 20 | 56 | 32.0 | 12 | 19 | 57 |
| Khoa học | 30.0 | 14 | 16 | 41 | 32.0 | 10 | 13 | 49 | 31.0 | 9 | 16 | 46 |
| Khoa học Xã hội | 30.0 | 11 | 17 | 39 | 30.0 | 12 | 20 | 41 | 32.0 | 8 | 16 | 49 |

Ghi chú: Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác (Năm Học 2017 – 18)

| Chức Danh | Số FTE Được phân cho Trường | Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập |
|---|-----------------------------|--|
| Cố Vấn Học Tập | 1.5 | 2826 |
| Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề) | 0.0 | Không có thông tin |
| Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư) | .17 | Không có thông tin |
| Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán) | .48 | Không có thông tin |
| Nhà Tâm Lý Học | 2.1 | Không có thông tin |
| Nhân Viên Xã Hội | 0.0 | Không có thông tin |
| Y Tá | 1.0 | Không có thông tin |
| Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác | 1.8 | Không có thông tin |
| Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy) | 10.0 | Không có thông tin |
| Các Chức Danh Khác | 1.0 | Không có thông tin |

Ghi chú: Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

* Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường (Năm Tài Khóa 2016 – 17)

| Lớp | Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh | | | Lương Trung bình Của Giáo Viên |
|--|--------------------------|--------------------|------------------------|--------------------------------|
| | Tổng | Bổ Sung/ Giới Hạn | Cơ Bản/ Không Giới Hạn | |
| Địa Điểm Trường | \$10,672 | \$2,686 | \$7,986 | \$93,332 |
| Học Khu | Không có thông tin | Không có thông tin | \$10,698 | \$91,486 |
| Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: | Không có thông tin | Không có thông tin | -29.0 | 2.0 |
| Tiểu Bang | Không có thông tin | Không có thông tin | \$7,125 | \$85,815 |
| Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: | Không có thông tin | Không có thông tin | 11.4 | 8.4 |

Ghi chú: Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Sở Giáo dục California đã ban hành hướng dẫn cho LEA vào ngày 1 tháng Tám năm 2018, liên quan đến cách tính chi phí cho mỗi học sinh cấp trường sẽ được báo cáo trong phiếu báo cáo 2018 – 19.

Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ (Năm Tài Khóa 2017 – 18)

Quỹ LCFF, Title I, Title II và Title V được dùng để gia tăng thành tích của học sinh và cung cấp một môi trường hỗ trợ. Các dịch vụ được cung cấp bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn bởi, sự gia tăng để có được hỗ trợ tâm lý và hỗ trợ học sinh, huấn luyện giáo viên cho giảng huấn chuyên biệt các môn Cao cấp (Advanced Placement), huấn luyện về học sinh học tiếng Anh, huấn luyện giáo viên, và sự khai triển giáo trình đi đúng theo các tiêu chuẩn.

Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính (Năm Tài Khóa 2016 – 17)

| Hạng mục | Số Tiền của Học Khu | Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục |
|---|---------------------|---|
| Lương Khởi Điểm của Giáo Viên | \$54,808 | \$50,747 |
| Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên | \$93,347 | \$86,127 |
| Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên | \$116,237 | \$106,915 |
| Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học) | \$0 | |
| Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở) | \$0 | \$136,636 |
| Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học) | \$159,032 | \$150,286 |
| Mức Lương của Giám Đốc Học Khu | \$302,000 | \$238,058 |
| Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên | 34.0 | 34.0 |
| Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính | 5.0 | 5.0 |

Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Các Khóa Học Nâng Cao (Advanced Placement – AP) (Năm Học 2017 – 18)

| Môn học | Số Các Khóa Học AP được Cung | Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các |
|-----------------------------------|------------------------------|---------------------------------|
| Khoa Học Máy Tính | 0 | Không có thông tin |
| Tiếng Anh | 5 | Không có thông tin |
| Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn | 3 | Không có thông tin |
| Ngoại ngữ | 5 | Không có thông tin |
| Toán | 8 | Không có thông tin |
| Khoa học | 10 | Không có thông tin |
| Khoa học Xã hội | 14 | Không có thông tin |
| Tất Cả Các Khóa Học | 47 | 30.0 |

Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

* Trường học có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.

Phát Triển Chuyên Môn (Trong Ba Năm Gần Nhất)

Tất cả sự huấn luyện và các sinh hoạt phát triển chuyên môn ở trường này đều xoay quanh các Tiêu chuẩn cho Nội dung của Tiểu bang California. Các nhân viên của trường này đã tham gia vào sự phát triển chuyên môn nhằm vào: sự Chuẩn bị cho Đại học và Nghề, các Tiêu chuẩn của Tiểu bang cho các Môn Chủ yếu, các Vòng Giảng huấn, Thiết kế Bài và Chiều sâu của Kiến thức, Lòng Kỹ thuật Giáo dục và Giáo trình, và Đáp ứng cho sự Can thiệp.

Các quyết định về việc chọn ra các sinh hoạt phát triển chuyên môn được xác định bằng cách dùng các công cụ như là sự góp ý của nhân viên và sự phân tích dữ liệu để tìm ra các lãnh vực mà sự huấn luyện bổ sung sẽ nâng cao việc giảng huấn trong lớp và nâng cao thành tích của học sinh.

Trường này hỗ trợ sự phát triển chuyên môn liên tục trong 3 ngày phát triển chuyên môn, thời gian cho ra sớm, huấn luyện theo từng tiết, và thời gian cho giáo viên không phải dạy. Các giáo viên họp trong các nhóm cùng môn dạy và các nhóm ở cùng khoa cũng như là tất cả các nhân viên họp lại để phân tích dữ liệu để nhận dạng các lãnh vực có nhu cầu. Thêm nữa, các nhân viên giảng huấn được cung cấp cơ hội để tham gia vào các buổi học tập phát triển nhân viên do học khu bảo trợ và các buổi hội thảo như là một sự bổ sung cho sự phát triển nhân viên ở tại trường.

Hơn nữa, trường này có sự hỗ trợ cho các giáo viên mới và cũ thông qua sự kèm lẫn nhau, họp giữa giáo viên và viên chức điều hành, và báo cáo các dữ liệu thành quả học sinh. Tất cả các nhân viên được khuyến khích tham dự các buổi học tập và hội thảo cho sự phát triển chuyên môn. Các nhân viên phân loại có được sự huấn luyện liên quan đến nghề và có được các cơ hội để dự các buổi học tập phát triển nhân viên do học khu bảo trợ.